TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 53/2024/QĐST-DS	*Bắc Từ Liêm, ngày 05 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật Phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 78/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 05 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ngân hàng V.

Địa chỉ: Phường L, quận Đ, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng L – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm THN KHDN & Xử Lý Nợ Pháp Lý.

Đại diện theo uỷ quyền: Phạm Văn T – Chuyên viên

1.2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1974

Bà Phan Thị N, sinh năm 1980

Cùng HKTT: Tổ dân phố T, phường C, quận B, thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Đức T và bà Phạm Thị N còn nợ Ngân hàng V số tiền gốc, tiền lãi và các loại phí phát sinh theo Hợp đồng cho vay số: LN2101263338247 ký ngày 12/03/2021; LN2103123473987 ký ngày 17/03/2021; LN2201135084871 ký ngày 19/01/2022; LD2130600586 ngày 02/11/2021; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 16/3/2021; Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 233-P-5485430 ký ngày 20/03/2021. Tạm tính đến ngày 13/4/2024 khoản tiền này là: 3.542.434.214 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 2.743.629.992 đồng, Nợ lãi trong hạn: 91.531.556 đồng, Nợ lãi quá hạn: 695.898.184 đồng; Lãi chậm trả lãi:

11.374.482 đồng.

2.2. Các đương sự thống nhất thỏa thuận về phương thức, thời gian thanh toán khoản nợ trên như sau:

- Chậm nhất đến ngày 30/08/2024, ông Nguyễn Đức T và bà Phạm Thị N phải thanh toán số tiền 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)* nợ gốc cho Ngân hàng V.

- Chậm nhất ngày 30/9/2024, ông Nguyễn Đức T và bà Phạm Thị N phải tất toán toàn bộ số tiền nợ còn lại là 3.492.434.214 đồng cho Ngân hàng V.

Buộc ông Nguyễn Đức T và bà Phan Thị N phải thanh toán số tiền nợ lãi và lãi chậm trả phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán phát sinh kể từ ngày 14/4/2024 đến ngày thực tế trả hết nợ cho Ngân hàng V theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp Ông Nguyễn Đức T và bà Phan Thị N không thực hiện và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, VPBank được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng V, các tài sản bảo đảm gồm:

Tài sản 1: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 189;190; tờ bản đồ số: 46; tại địa chỉ: Phường C, quận B, thành phố H theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số CĐ 999080, Số vào sổ cấp GCN: CS-BTL 03643 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 20/09/2016. Chi tiết hợp đồng thế chấp số công chứng: 1075/2021: QUYỂN SỐ: 01 – 2021 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 12/03/2021 tại văn phòng công chứng NK. Có tổng diện tích 68,0 $m^{2,}$ trong đó có quyền sử dụng riêng 47,2m^2, sử dụng chung: 20,8m^2. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay. (Hiện trạng thực tế theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/5/2024 và hồ sơ kỹ thuật của thửa đất kèm theo).

Tài sản 2: 01 xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, biển kiểm soát: 30G-951.63. Số khung: MK2LRNC1WLN013845, số máy: 4A91JA7476, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29-029584, do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 17/03/2021 cho ông Nguyễn Đức T. Chi tiết theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2103123473987 ký ngày 17/03/2021. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. (Tài sản đảm bảo hiện ông Nguyễn Đức T đang quản lý và sử dụng).

Tài sản 3: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 118B, tờ bản đồ số 20, tại địa chỉ: Tổ Dân Phố L, Thị Trấn T, Huyện Y, tỉnh B theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 604503, Số vào sổ cấp GCN: CH00537 do Ủy Ban Nhân

Dân huyện Y, tỉnh B cấp ngày 01/07/2014; Chi tiết hợp đồng thế chấp số 23/HĐTC-2022, số công chứng: 107 quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 19/01/2022 tại văn phòng công chứng NVT. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay. (Hiện trạng thực tế theo, Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/5/2024 và hồ sơ kỹ thuật của thửa đất kèm theo).

Trong trường hợp xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ thì ông Nguyễn Đức T và bà Phan Thị N tiếp tục phải trả nợ cho Ngân hàng V cho đến khi thực tế trả hết nợ.

2.4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Đức T và bà Phan Thị N chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 51.424.342 đồng (Năm mươi mốt triệu, bốn trăm hai mươi tư nghìn, ba trăm bốn mươi hai đồng).

Trả lại Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) đã nộp theo biên lai số 0021587 ngày 23/05/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP H;
- VKS ND B;
- Chi cục THA DS B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Vũ Quang Hậu